

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---*---

Bản án số: 35/2023/HSST

Ngày: 15/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà: Lê Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Tùng - Nghề nghiệp: Cán bộ Phòng giáo dục, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Hà Thị Hòa - Nghề nghiệp: Chủ tịch Phụ nữ xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/HSST - QĐ ngày 01/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang T, sinh ngày 13/10/1997, tại xã TC, huyện TO, TP Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà 407/23/63 Nguyễn Xí, phường 11, quận BT, TP Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q; con bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày 28/10/2022 đến ngày 06/11/2022; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Phạm Lê Kiên C, sinh ngày: 13/7/2005 tại xã Tam H, huyện TO, TP Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn SK, xã TH, huyện TO, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H; con bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Bùi Thanh T, sinh ngày 10/11/2004, tại xã Tam H, huyện TO, TP Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà 34, xóm chợ, thôn SK, xã TH, huyện TO, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q; con bà Phùng Lan H; bị cáo chưa có vợ con; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ **NGƯỜI BẢO CHỮA CHO BỊ CÁO PHẠM LÊ KIÊN C:** Bà Phan Thị Nhung - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá (có mặt).

+ NGƯỜI LÀM CHỨNG:

1. Chị Phạm Thị Chuyên H, sinh năm 1984
2. Anh Đào Duy N, sinh ngày 19/6/2005
3. Anh Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/10/2003
4. Anh Dương Văn L, sinh ngày 05/04/2004
5. Chị Nguyễn Thúy N, sinh ngày 26/11/2004
6. Anh Kiều Huy H, sinh ngày 29/11/2003
7. Chị Kiều Thu H, sinh ngày 16/01/2003
8. Chị Nguyễn Đỗ Cẩm T, sinh ngày 25/3/2003
9. Anh Bùi Duy K, sinh ngày 28/02/2004
10. Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 07/8/2004
11. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003
12. Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/12/2002
13. Anh Thái Anh T, sinh ngày 05/4/2003
14. Anh Lê Văn T, sinh ngày 11/9/2004
15. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/11/2005
16. Anh Hoàng Sỹ H, sinh ngày: 12/9/2006

Đại diện hợp pháp của Hoàng Sỹ H là ông Hoàng Văn P (bố đẻ);

17. Chị Bùi Thị Thu H, sinh ngày 20/10/2005
18. Anh Nguyễn Bá Hồng Q, sinh ngày 08/4/2004
19. Anh Bùi Đăng Hoàng V, sinh ngày 04/12/2005
20. Anh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 03/6/2005
21. Chị Trần Lệ Q, sinh ngày 08/8/2005
22. Anh Bùi Đăng H, sinh ngày 23/01/2006

Đại diện hợp pháp của Bùi Đăng H là Bùi Thị N (mẹ đẻ);

23. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/6/2004
24. Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 28/5/2004
25. Anh Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/02/2004
26. Anh Nguyễn Trọng T, sinh ngày 23/12/2003
27. Anh Đào Huy T, sinh ngày 24/11/2003 (Những người làm chứng đều vắng

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2022, chị Bùi Thị T, sinh năm 1980 trú tại khu phố 3, thị trấn TX,

huyện TX, sử dụng điện thoại di động truy cập vào mạng xã hội Facebook và thấy trang “Đầu tư siêu lợi nhuận” có nội dung “Tham gia đầu tư 500 nghìn đồng bạn sẽ có nguồn thu vô cùng ổn định trong mùa dịch, thu được 400 nghìn -800 nghìn đồng mỗi ngày, hoàn vốn cho người thất bại”. Sau khi truy cập, chị T nhận được một đường link để tạo tài khoản và hướng dẫn chị T tải ứng dụng telegram để trao đổi thông tin. Sau khi đăng ký thành công chị T được một người tự xưng là “thầy K” hướng dẫn cách thức đầu tư thông qua ứng dụng Telegram. Sau khi được hướng dẫn, chị T đồng ý tham gia và sử dụng tài khoản số 3515198056666 của ngân hàng Agribank do chị T đứng tên mở tài khoản để chuyển số tiền 500.000 đồng vào số tài khoản 67110001106939 của ngân hàng BIDV, chủ tài khoản tên Thạch Quang T. Sau khi chị Thu chuyển tiền được khoảng 10 phút thì tài khoản của chị T nhận được 475.000 đồng là tiền lãi có được sau khi đầu tư. Trong các phiên tư vấn đầu tư tiếp theo chị T được tư vấn tham gia các gói đầu tư từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Sau đó ngày 08/02/2022, chị T tiếp tục chuyển khoản 40.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Thạch Quang T như trên nhưng không được nhận lại tiền đầu tư. Vì nhiều lý do mà người tên K yêu cầu, vào ngày 08/02/2022 chị T tiếp tục chuyển tiền lần thứ ba vào số tài khoản trên 47.000.000 đồng, lần thứ tư là 114.800.000 đồng, lần thứ năm là 112.800.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Thạch Quang T. Đến lần thứ sáu, chị T chuyển 32.000.000 đồng vào số tài khoản 103874599983 của ngân hàng Vietinbank, chủ tài khoản là Hoàng Văn Đ và lần thứ bảy chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản 1026381746 của ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là Nguyễn Văn Q thì hệ thống vẫn yêu cầu chị T phải đóng thêm nếu muốn nhận tiền. Do nghi ngờ lừa đảo nên chị T không nộp nữa và báo cáo lên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân. Tổng số tiền chị T đã chuyển cho các đối tượng lừa đảo từ 02/2022 đến 04/2022 là 372.652.000đồng.

Trong quá trình xác minh tố giác tội phạm có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân xác định:

- + Tài khoản số 67110001106939 được mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, được đăng ký vào tháng 01/2022, mang tên Thạch Quang T, sinh ngày 18/4/2004, có CMND số 366354715, trú tại huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình lấy lời khai của Thạch Quang T, T khai nhận CMND số 366354715, cấp ngày 19/6/2018 của Thái bị rơi vào khoảng tháng 10/2021. Vì vậy Thái không biết ai đã sử dụng CMND của Thái để đi đăng ký mở tài khoản tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- + Tài khoản số 103874599983 được mở tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chủ tài khoản là Hoàng Văn Đ, sinh ngày 10/11/1998, CMND số 082337643, trú tại xã VL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình xác minh tại xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, chính quyền địa phương cho biết hiện không biết Hoàng Văn Đ ở đâu, đi đâu, làm gì cùng ai.

- + Tài khoản số 1206381746 được mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chủ tài khoản là Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003 ở xã TC, huyện T O, TP Hà Nội.

Quá trình làm việc, Nguyễn Văn Q thừa nhận số tài khoản trên đã bán cho Bùi Thanh T, sinh năm 2004, trú tại thôn SK, xã TH, Thanh Oai, TP. Hà Nội thuê lại.

Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã làm việc với Bùi Thanh T thì T khai nhận tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn Q đã cho Nguyễn Quang T, sinh năm 1997, trú tại số 407/23/63 đường Nguyễn X, phường 11. Quận BT, TP Hồ Chí Minh, thuê lại để kiếm lời.

Quá trình điều tra xác định hành vi của các đối tượng Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C và Bùi Thanh T, cụ thể như sau: Khoảng đầu năm 2022, Nguyễn Quang T khi vào Facebook thì thấy nhóm “Hội tìm việc làm” thì thấy có một tài khoản tên “Nguyen H” đăng trong nhóm với nội dung muốn thuê người mở tài khoản ngân hàng. Thấy vậy T nhắn tin cho người có tài khoản facebook “Nguyen H” để hỏi về nội dung cho thuê tài khoản ngân hàng. Sau đó Trang được giới thiệu “Nguyen H” là người Hải Phòng, hiện đang làm việc tại Campuchia. Tài khoản “Nguyen H” hỏi T có người thân, bạn bè mở tài khoản ngân hàng tại Việt Nam để cho “Nguyen H” thuê thì sẽ trả cho T giá 1.000.000đ/01 tài khoản. Tiền tài khoản sẽ được thanh toán làm 02 lần, lần thứ nhất sau khi mở được tài khoản và đăng ký dịch vụ Internet Banking sẽ được trả 500.000đ/01 tài khoản, lần thứ hai sau khi nhận được thẻ ATM sẽ thanh toán 500.000đ/01 tài khoản. Sim điện thoại dùng để đăng ký Internet Banking thì “Nguyen Hai” sẽ chuyển tiền qua tài khoản cho T để mua. Sau khi thống nhất được giá thuê và cách thức mở, cần mở tại những ngân hàng nào thì Trang bắt đầu tìm người mở tài khoản ngân hàng để cho thuê lại.

Đến khoảng cuối tháng 01/2022, Nguyễn Quang T có quen biết với Phạm Lê Kiên C, sinh năm 2005 trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Qua quá trình nói chuyện, T và C trao đổi, kết bạn Facebook với nhau, C có hỏi T có việc gì làm không thì T bảo C có tài khoản ngân hàng nào chưa mở thì mở cho T thuê lại và tìm thêm người thân, bạn bè mở tài khoản cho T thuê lại, mỗi tài khoản T sẽ trả cho C 600.000đồng, tiền thuê tài khoản sẽ được thanh toán làm 02 lần, một lần khi mở được 01 tài khoản và đăng ký dịch vụ Internet Banking sẽ được trả 300.000đ, lần thứ hai sẽ thanh toán 300.000đ khi lấy được thẻ ATM. Khi nào đi mở tài khoản thì đến gặp Trang để lấy sim điện thoại để đăng ký dịch vụ Internet Banking. C đồng ý mở tài khoản và tìm thêm bạn bè mở tài khoản để cho T thuê lại. Khoảng 02 ngày sau, C nhắn tin cho T nói C đồng ý đi mở tài khoản và còn tìm thêm được 04 (bốn) người khác đồng ý đi mở tài khoản để cho thuê. T nhắn tin cho “Nguyen H” qua ứng dụng Telegram biết đã tìm được người cho thuê thì “Nguyen H” bảo đang cần khoảng hơn 20 tài khoản và gửi cho T danh sách các ngân hàng cần mở. Sau đó T gặp C đồng thời đưa cho C nhiều sim điện thoại để C và bạn bè đi mở.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 04/2022, C đã đi thu thập tài khoản của nhiều người khác nhau và đưa lại cho T tổng cộng 47 (bốn mươi bảy) tài khoản gồm: 06 (sáu) tài khoản của C tại các ngân hàng Vietcombank (STK1025871956), Pvcombank (STK105000960143), TpBank (STK05543134601), SHB(STK0934616530), Vpbank (STK 253120355) và BIDV (STK45010006409340);

04 (bốn) tài khoản của Phạm Thị Chuyên H, sinh năm 1984 ở thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng BIDV (STK21110001982968), Tpbank (STK 05557677101, Vpbank (STK 254138867), Techcombank (STK 19038121142013); 06 (sáu) tài khoản của Đào Duy N, sinh năm 2005 ở thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai, Hà Nội tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038126330012, BIDV (STK 16777672) Tpbank (STK 05545997501) ACB (STK 23382907) Vpbank (STK 253120215) và Vietcombank (STK 1025885586); 05 (năm) tài khoản của Nguyễn Duy T, sinh năm 2003 ở thôn TL, xã BH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19037953768013), Vietinbank (STK 103874608461), BIDV (STK 45010005324325,) Tpbank (STK 05201645401,) Vpbank (STK 250490078; 05 (năm) tài khoản của Dương Văn L, sinh năm 2005 ở thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038130825018), BIDV (STK 45010006409809), Tpbank (STK 05568119201), Pvcombank (STK 107000962246) và còn 01 ngân hàng thì L, T, C không nhớ tên; 06 (sáu) tài khoản của Nguyễn Thúy N, sinh năm 2004, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038292752014), SHB (STK 0766038268) Tpbank (STK 05792331301), Vpbank (STK 256535963), Vietcombank (STK 1026948679) và Pvcombank (STK 105000982711); 05 (năm) tài khoản của Kiều Huy H, sinh năm 2003 trú tại thôn SK, xã TH, huyện TO tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038287748017), Tpbank (STK 05775919601), Vpbank (STK 60934616475), Vietcombank (STK 9934617203) và SHB (STK 1019963399); 05 (năm) tài khoản của Kiều Thu H, sinh năm 2003, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng SHB (STK 0702198288), Tpbank (STK 05892898001), Vpbank (STK 45221601), Vietcombank (STK 1021794781) và BIDV (STK 45010005161878); 05 (năm) tài khoản của Nguyễn Đỗ Cẩm T, sinh năm 2003, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng SHB (STK 0118389918), Tpbank (STK 05892902401), Vpbank (STK 58725032003), Vietcombank (STK 9964511523) và BIDV (STK 21310001051969). Sau khi xin C cho T nợ số tiền 4.800.000 đồng, tổng T trả cho C là 9.300.000 đồng/47 tài khoản C đã đưa cho T. Còn C đã trả cho Đào Duy N 900.000đồng/06 tài khoản, trả cho Nguyễn Duy T số tiền 750.000đ/05 tài khoản, trả cho Dương Văn L số tiền 750.000đ/05 tài khoản, trả cho Nguyễn Thúy N số tiền 500.000đ/06 tài khoản, trả cho Kiều Huy H số tiền 500.000đ/05 tài khoản, trả cho Kiều Thu H số tiền 500.000đ/ 05 tài khoản, trả cho Nguyễn Đỗ Cẩm T số tiền 500.000đ/05 tài khoản. Tổng số tiền C đã trả cho 08 người mà C đã đi thu thập tài khoản là 4.400.000đồng. Tổng số tiền mà C hưởng lợi là 3.100.000đồng (đã trừ đi số tiền 1.800.000đồng mà T thuê 06 tài khoản của C). Do tất cả 47 (bốn mươi bảy) tài khoản ngân hàng mà Nguyễn Quang T thuê lại của Phạm Lê Kiên C đều không lấy thẻ ATM nên T chỉ được “Nguyễn H” thanh toán 500.000đ/01 tài khoản. Tổng số tiền T đã được trả là 23.500.000đ/47 tài khoản. Trong đó T đã thanh toán cho C 9.300.000đ. Số tiền T được hưởng lợi là 14.200.000đồng/47 tài khoản.

Quá trình làm việc, T khai nhận ngoài hành vi mua bán tài khoản với Phạm Lê Kiên C như đã nêu ở trên thì từ tháng 02/2022 đến tháng 4/2022, T còn thực hiện hành

vi mua bán tài khoản ngân hàng với Bùi Thanh T, sinh năm 2004; Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 cùng trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội; Nguyễn Văn T, sinh năm 2004, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội và Đào Duy N, sinh năm 2005, trú tại thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Nội dung cụ thể như sau:

+ Thông qua Phạm Lê Kiên C, T có quen biết được với Bùi Thanh T, sinh năm 2004, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. T có nói với T “em tìm người mở tài khoản cho anh”, T hỏi “mở như thế nào anh”, thì T nói “Khi nào em tìm được người mở tài khoản thì anh đưa sim điện thoại cho em, rồi lấy sim điện thoại đó đăng ký dịch vụ Internet Banking cho các tài khoản, mỗi tài khoản đăng ký dịch vụ Internet Banking anh trả cho em 300.000 đồng, nếu lấy thẻ ATM về thì anh trả thêm 300.000đồng nữa”, nghe vậy thì T đồng ý tìm tài khoản để mở và bán lại cho T. Từ tháng 02/2022 đến tháng 04/2022, T đã thu thập được tổng cộng 28 tài khoản của những người sau: 05 tài khoản của Bùi Duy K, sinh năm 2004, trú tại thôn Văn Q, xã Đ1, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038189629018), Tpbank (STK 05609405201), BIDV (STK 45010006418364), Vietcombank (STK 1026189890) và 01 tài khoản mà K, T và T không nhớ tên ngân hàng; 04 tài khoản của Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 2004, trú tại thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038190899010), BIDV (STK 45010006418267), Pvcombank (STK 101000963756), Tpbank (STK 05609746601); 04 tài khoản của Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003, trú tại xã T1, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội tại các ngân hàng Vietcombank (STK 1026381746), BIDV (STK 21310001042583), Pvcombank (STK 103000967126) và Tpbank (STK 05655515701); 05 tài khoản của Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội tại các ngân hàng Techcombank (STK 19037230822011), SHB (STK 2312200222), Tpbank (STK 05772550401), Vietcombank (STK 1024407178) và Vpbank (STK 33723122002); 05 tài khoản của Thái Anh T, sinh năm 2003, trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội tại các ngân hàng Techcombank (STK 19037436177013), BIDV (STK 45010006420378), SHB (STK 0762093686), Tpbank (STK 61396371260) và Vpbank (STK 5437229); 01 tài khoản của Lê Văn T, sinh năm 2004, trú tại xã KA, huyện Thanh Oai, Hà Nội tại ngân hàng SHB (STK 0776321886); 01 tài khoản của Nguyễn Thị H, sinh năm 2005, trú tại xã TM, huyện Thanh Oai, Hà Nội tại ngân hàng SHB (STK 0921636454); 01 tài khoản của Hoàng Sỹ H, sinh năm 2006, trú tại xã T1, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội tại ngân hàng SHB (STK 1209200666); 01 tài khoản của Bùi Thị Thu H, sinh năm 2005, trú tại thôn VQ, xã Đ1, huyện Thanh Oai mở tại ngân hàng SHB (STK 0762118286); 01 tài khoản của Nguyễn Bá Hồng Q, sinh năm 2004, trú tại thôn TL, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai mở tại ngân hàng SHB (STK 0782468986). T đã trả cho T 9.600.000đồng/28 tài khoản bằng cách đưa tiền trực tiếp. Bùi Thanh T trả cho Bùi Thu H, Nguyễn Thị H, Thái Anh T, Hoàng Sỹ H và Lê Văn T mỗi người 200.000đồng, Bùi Duy K 350.000 đồng, Nguyễn Văn Q 400.000đồng, Nguyễn Mạnh Q 450.000 đồng và Nguyễn Văn H 700.000 đồng, trả cho Phạm Lê Kiên C

1.250.000đồng vì giới thiệu T cho T. Tổng số tiền T đã trả cho những người trên là 4.150.000 đồng. Số tiền T được hưởng lợi là 5.450.000 đồng/28 tài khoản.

Đối với 28 tài khoản trên, T được “Nguyễn H” thanh toán 14.000.000đồng/28 tài khoản, trong đó T đã trả cho T 9.600.000 đồng. Số tiền Nguyễn Quang T được hưởng lợi là 4.400.000 đồng/28 tài khoản.

+ Khoảng tháng 02/2022, thông qua sự giới thiệu của Phạm Lê Kiên C, Nguyễn Quang T có quen biết Đào Duy N, sinh năm 2005, trú tại thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. T có nói với N là “rủ các bạn đi mở tài khoản về cho anh thuê lại, tài khoản nào đăng ký dịch vụ Internetbanking và lấy thẻ ATM thì anh trả cho 600.000đồng, tài khoản nào chỉ đăng ký dịch vụ Internetbanking mà không lấy thẻ ATM thì anh trả cho 300.000đồng”, nghe T nói vậy thì N đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến 04/2022, N đã thu thập được 19 tài khoản gồm: 05 tài khoản của Bùi Đăng Hoàng V, sinh năm 2005 trú tại thôn HG, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038175995011), Vietcombank (STK 1026082672), BIDV (STK 21310001039716), Pvcombank (STK 102000963201) và OCB (STK 0059100024748004); 05 tài khoản của Nguyễn Nhật H, sinh năm 2005 trú tại thôn Đ1, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038176005015), Vietcombank (STK 1026083778), BIDV(STK 21310001039707), Pvcombank (STK 104000963200) và OCB (STK 0059100024746001) và 05 tài khoản của Trần Lê Q, sinh năm 2005 trú tại thôn HG, xã TH, huyện Thanh Oai tại các ngân hàng Techcombank (STK 19038175986012), Vietcombank(STK 1026083312), BIDV (STK 21310001039725), Pvcombank (STK 108000963197) và OCB (STK 0059100024747008); và 04 tài khoản của Bùi Đăng H, sinh năm 2006 trú tại thôn HG, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội mở tại các ngân hàng Techcombank(STK 19038270745014), SHB (STK 0766191388), Pvcombank (STK 107000983565) và Tpbank (STK 05795874201). Tổng số tài khoản Đào Duy N đã thu thập và bán cho Nguyễn Quang T là 19 (mười chín) tài khoản, trong đó có 15 (mười lăm) tài khoản lấy thẻ ATM nên T đã được “Nguyễn H” thanh toán 17.000.000 đồng. Sau đó T thanh toán cho N số tiền 9.000.000 đồng/19 tài khoản. Số tiền T được hưởng lợi là 8.000.000 đồng/19 tài khoản. Đối với Đào Duy N, N đã thanh toán cho Bùi Đăng H 400.000 đồng, Trần Lê Q, Bùi Đăng Hoàng V, Nguyễn Nhật H mỗi người 1.000.000 đồng. Số tiền Đào Duy N được hưởng lợi là 5.600.000đồng/19 tài khoản.

Khoảng cuối tháng 02/2022, cũng thông qua sự giới thiệu của Phạm Lê Kiên C thì T có quen biết với Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Trong một lần T gặp T thì T nói với T “mày mở cho anh bốn tài khoản ngân hàng, anh trả cho mày sáu trăm nghìn đồng một tài khoản”. Nghe T nói như vậy T hỏi “thế mở như thế nào anh” thì T hướng dẫn cho T cách thức mở như những người trên thì T đồng ý. T nhắn lại cho “Nguyễn H” thì “Nguyễn H” nhắn cho T danh sách 04 (bốn) ngân hàng cần mở tài khoản, ngoài ra còn cần thêm 02 (hai) tài khoản của ngân hàng SHB và bảo T tìm thêm người. Sau đó T đưa 04 (bốn) danh sách ngân hàng cho T để đăng ký và nói cần tìm thêm 02 (hai) tài khoản ngân hàng thì T đồng ý. Sau

khi mở xong 04 (bốn) tài khoản thì T đưa cho T sim điện thoại, do thời gian đã lâu nên T và T chỉ nhớ được ngân hàng SHB (STK 0934617580), còn 03 (ba) ngân hàng còn lại không nhớ tên. Đồng thời T báo là đã tìm được 02 người là Nguyễn Đức T, sinh năm 2004 và Nguyễn Đức D, sinh năm 2004 cùng trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai để mở tài khoản. T đưa cho T hai sim điện thoại để T đưa cho T và D đi mở tài khoản ngân hàng tại ngân hàng có SHB (STK 0782432886 của T và STK 0769002868 của D). Sau khi T và D mở xong tài khoản thì T đưa lại 02 (hai) sim điện thoại cho T. Tổng cộng Nguyễn Quang T đã mua lại của Nguyễn Văn T là 06 (sáu) tài khoản gồm 04 (bốn) tài khoản của T, 01 (một) tài khoản của Nguyễn Đức D và 01 (một) tài khoản của Nguyễn Đức T. Tổng số tiền thu thập 06 (sáu) tài khoản trên T đã được “Nguyễn H” trả 5.000.000 đồng. Trong đó T đã trả cho T 2.000.000 đồng. Sau đó T cho T 300.000 đồng và không trả cho D. Số tiền T được hưởng lợi là 1.700.000 đồng/06 tài khoản. Số tiền Nguyễn Quang T được hưởng lợi là 3.000.000 đồng/06 tài khoản.

Khoảng đầu tháng 3/2022, thông qua sự giới thiệu của Bùi Thanh T, T quen biết với Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai. Đến khoảng cuối tháng 03/2022, T nhận được tin nhắn từ “Nguyễn H” với nội dung bảo T tìm 10 (mười) tài khoản để cho “Nguyễn H” mua lại thì T đồng ý. Sau đó trong một lần Bùi Thanh T và Nguyễn Văn H đến nhà T chơi thì T có nói với H “Tìm người mở cho anh 10 (mười) tài khoản ngân hàng, mỗi tài khoản anh trả cho mày 600.000 đồng, tài khoản nào chỉ đăng ký dịch vụ Internet Banking mà không có thẻ ATM thì anh trả cho 300.000 đồng/01 tài khoản”. Nghe vậy, H đồng ý. Đến đầu tháng 4/2022, H báo cho T biết đã tìm thêm được 02 (hai) người đồng ý mở tài khoản ngân hàng là Nguyễn Trọng T, sinh năm 2003 và Đào Huy T, sinh năm 2003 cùng trú tại thôn SK, xã TH, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Sau đó T đưa 10 (mười) sim điện thoại để đưa cho H và bảo mở tài khoản tại các ngân hàng Vietcombank, BIDV, SHB, Tpbank và Vpbank. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, H đến đưa cho T 10 (mười) sim điện thoại và thông báo T đã mở thành công 05 (năm) tài khoản tại các ngân hàng Vietcombank (STK 9762078286), BIDV (STK 21310001005203), SHB (STK 0796242017), Tpbank (STK 05932435401) và Vpbank (STK 257660117) và T cũng đã mở thành 05 (năm) tài khoản tại các ngân hàng Vietcombank (STK 9936228916), BIDV (STK 21310001053266), SHB (STK 0936335160), Tpbank (STK 05947471401) và Vpbank (STK 665231220003). Sau đó T thanh toán cho H số tiền 1.500.000 đồng, số tiền còn lại vì H không lấy thẻ ATM nên T không trả cho H. H sau đó trả cho Đào Huy T và Nguyễn Trọng T mỗi người 400.000đ, H hưởng lợi số tiền 700.000 đồng. Đối với 10 (mười) tài khoản trên thì T được “Nguyễn H” trả cho 5.000.000 đồng, do đó T được hưởng lợi 3.500.000 đồng/10 tài khoản.

+ Trong quá trình xác minh vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Thạch Quang T khai nhận đã làm rơi ví bên trong có chứa CMND số 366354715 nên không biết ai là người đã sử dụng CMND để đi đăng ký mở tài khoản tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam để thực hiện hành vi lừa đảo đối với chị Bùi Thị T. Ngoài ra,

quá trình xác minh tại xã VL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, chính quyền địa phương hiện Hoàng Văn Đ không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đã tách vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

+ Đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Đào Duy N đã thu thập số lượng tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Quang T chưa đủ 20 (hai mươi) tài khoản và số tiền thu lợi bất chính chưa đủ 20.000.000 đồng. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và Đào Duy N.

Đối với Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T, sau khi phạm tội nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đầu thú.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT- VKSTX ngày 25/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân đã truy tố Nguyễn Quang T về tội: “Thu thập, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 291 Bộ luật hình sự; Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T về tội: “Thu thập, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như sau:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Quang T.

Xử phạt: Nguyễn Quang T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng

+ Áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 90, Điều 91, Điều 100; Điều 36 BLHS đối với Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T;

Xử phạt: Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Quang Tr, Phạm Lê Kiên C; Bùi Thanh T, đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Truy thu số tiền thu lợi bất chính để nộp sung quỹ nhà nước của các bị cáo Nguyễn Quang T 33.100.000đồng; Phạm Lê Kiên C 3.100.000 đồng; Bùi Thanh T 5.450.000đồng. Về án phí theo quy định của pháp luật.

+ Người bào chữa cho bị cáo Phạm Lê Kiên C có quan điểm bào chữa cho rằng: Đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91; Điều 100; Điều 36 của BLHS tuyên phạt Phạm Lê Kiên C với mức hình phạt tù cải tạo không giam giữ thấp nhất, không khấu trừ thu nhập của bị cáo Cường để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 04/2022, Nguyễn Quang T đã thu thập 110 (một trăm mười) tài khoản ngân hàng từ Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T, Đào Duy N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T để bán cho một đối tượng không quen biết thông qua mạng xã hội Facebook có tên “Nguyễn H” với mục đích kiếm lời. Giá cả được “Nguyễn H” và T thống nhất là 1.000.000 đồng/01 tài khoản, thanh toán làm 02 lần, lần thứ nhất sau khi mở được tài khoản và đăng ký dịch vụ Internet Banking, lần thứ hai sau khi lấy được thẻ ATM. Nguyễn Quang T đã được “Nguyễn H” trả 64.500.000đồng/110 tài khoản; T thu lợi bất chính với tổng số tiền 33.100.000đồng.

Phạm Lê Kiên C, đã thu thập cho Nguyễn Quang T tổng cộng 47 (bốn mươi bảy) tài khoản ngân hàng (trong đó có 06 tài khoản của C và 41 tài khoản của 08 người khác nhau), C thu lợi bất chính số tiền 3.100.000 đồng.

Bùi Thanh T, đã thu thập cho Nguyễn Quang T tổng cộng 28 (hai mươi tám) tài khoản ngân hàng của 10 người khác nhau, thu lợi bất chính số tiền 5.450.000đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Thu thập, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố đối với các bị cáo là chính xác và có cơ sở.

[3]. Xét tính chất hành vi của từng bị cáo: Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của công dân, xâm phạm đến trật tự an toàn trong lĩnh vực tài chính- Ngân hàng, gây bức xúc trong dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân trách nhiệm vụ cụ thể, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Quang T là người khởi xướng việc thuê, mượn tài khoản ngân hàng và hướng dẫn bị cáo C, T và những người khác mở tài khoản để cho T, thuê lại nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T với vai trò giúp sức cho bị cáo T mở tài khoản và nhờ người mở tài khoản cho T thuê lại nên giữ vai trò ngang nhau vai trò thứ 2 trong vụ án. Các bị cáo cùng tham gia và cùng chịu phải trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C và Bùi Thanh T đều “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, sau khi phạm tội các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật đã ra đầu thú nên các bị cáo T, C, T đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo C, T khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng tình tiết quy định tại Điều 90, 91, 100 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, C, T đều là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự nên xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt: Từ những căn cứ phân tích trên, áp dụng Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Quang T; Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Phạm Lê Kiên C và Bùi Thanh T giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vẫn đủ cơ sở cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Truy thu của các bị cáo Nguyễn Quang T 33.100.000đồng; Phạm Lê Kiên C 3.100.000 đồng; Bùi Thanh T 5.450.000đồng, khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Thu thập, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” đề nghị mức hình phạt; về xử lý vật chứng; án phí là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét.

[8]. Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Lê Kiên C có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Quang T

Căn cứ khoản 1 Điều 291; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Phạm Lê Kiên C và Bùi Thanh T.

Tuyên bố: Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T phạm tội “Thu thập, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”.

Xử phạt: Nguyễn Quang T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2023). Giao Nguyễn Quang T cho Ủy ban nhân dân phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục. Trường hợp Nguyễn Quang T thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. “*Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*”.

Xử phạt: Phạm Lê Kiên C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: Bùi Thanh T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TO, Thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, C, T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu của các bị cáo Nguyễn Quang T 33.100.000đồng; Phạm Lê Kiên C 3.100.000 đồng; Bùi Thanh T 5.450.000đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*”. Buộc Nguyễn Quang T, Phạm Lê Kiên C, Bùi Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án 15/12/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện TX;
- Công an huyện TX;
- Chi cục THADS TX;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Tâm